| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BV - TP. HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 404/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 30/8/2023.
V/v "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Ông **Nguyễn Đại Huy**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện BV tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Hoàng Phương**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 08 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 327/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn K M, xã C Đ, huyện BV, thành phố Hà Nội.

Hiện nay đang ở: Phố T C, phường Đ T, thành phố Th H, tỉnh Th H.

- Bị đơn: Anh Dư Trọng H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn C Đ, xã C Đ, huyện BV, Tp Hà Nội

*( Chị Q và anh H có mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 04/07/2023 và bản tự khai ngày 09/07/2023 chị Lê Thị Q trình bày như sau: Chị Lê Thị Q và anh Dư Trọng H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C Đ, huyện BV, Hà Nội ngày 04/5/2012. Sau khi kết hôn hai vợ, chồng chị về chung sống với nhau ngay, cùng đi thuê nhà tại Hà Nội để sinh sống và làm việc. Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc được thời gian rất ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do tính

cách hai vợ, chồng khác biệt, anh H sống gia trưởng nên trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và cuộc sống chung không hạnh phúc. Tháng 05/2018, chị Q đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Th H để sinh sống, làm việc đồng thời cũng nhờ ông bà ngoại hỗ trợ việc chăm con vì thời điểm đó hai vợ, chồng phải đi thuê nhà ở Hà Nội, cả hai vợ, chồng đều bận đi làm nên không có điều kiện để chăm sóc các con. Đến năm 2019, anh H đi xuất khẩu lao động tại Nh B thì hai vợ, chồng chị rất ít liên lạc và trò chuyện cùng nhau, thỉnh thoảng anh H có gọi điện nói chuyện với các con rồi thôi, do vợ, chồng sống xa nhau mỗi người một nơi nên hai vợ, chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau, khoảng cách vợ chồng ngày càng xa, tình cảm vợ, chồng ngày càng nhạt dần. Đến năm 2022 anh H về nước được thời gian một tháng nhưng anh H cũng chỉ ở với vợ, con được khoảng một tuần, khi đó tình cảm vợ, chồng giữa hai bên đã không còn, giữa chị và anh H chỉ có rằng buộc nhau bởi con cái. Trong thời gian anh H đi Nhật Bản từ năm 2020 thì anh H chỉ gửi tiền về được khoảng 02 năm để chị Q trả nợ và nuôi con, từ tháng 10 năm 2021 đến nay anh H đã không còn gửi tiền về để chị Q nuôi con nữa. Hai vợ chồng chị Q đã chính thức sống ly thân từ và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay.

Nay chị Q xác định tình cảm vợ, chồng giữa chị Q và anh H không còn, chị Q đề nghị Tòa án nhân dân Huyện BV giải quyết cho chị Q được ly hôn anh H để giải phóng cho cả hai bên.

* Về con chung: có 02 con chung. Cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/04/2013 và cháu Dư Bảo N, sinh ngày 16/08/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Q tại Th H. Quan điểm của chị Q giải quyết ly hôn chị Q có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, vì từ năm 2018 đến nay hai cháu đang ăn ở ổn định với chị Q tại Th H, hai cháu do một mình chị Q chăm sóc, anh H chỉ gửi tiền về nuôi con từ năm 2019 đến tháng 10/2021, từ đó đến nay anh H không cấp dưỡng và chăm sóc con. Đặc biệt từ tháng 04/2023 sau khi anh H trở về từ Nh B anh H cũng không vào thăm, gặp con, không gọi điện hỏi han, không gửi tiền để chị Q nuôi con. Hai cháu hiện nay đang sống cùng nhau nếu phải tách hai cháu ra mỗi người một nơi sẽ ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm lý của các cháu. Vì vậy chị Q có nguyện vọng tha thiết đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV giao cháu Dư Thảo L và cháu Dư Bảo N cho chị Q để chị Q được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hai con. Hiện nay chị Q đang làm kế toán tại công ty Cổ phần đầu tư T Ph tại Th H, thu nhập theo hợp đồng lao động là 12.000.000đ, ngoài ra chị còn làm thêm, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/tháng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản riêng: Không có.

* Về tài sản chung, công sức chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 25/07/2023 anh Dư Trọng H trình bày: Anh H và chị Lê Thị Q có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C Đ, huyện BV, Tp Hà Nội ngày 04/05/2012. Sau khi kết hôn thì hai vợ, chồng anh H đi thuê nhà ở Hà Nội chung sống với nhau ngay, cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, chỉ thỉnh thoảng xảy ra cãi nhau do tính cách hai bên không hòa hợp. Vào năm 2018 khi anh H có ý định đi nước ngoài thì anh H đã đưa vợ và hai con về nhà bố, mẹ đẻ của chị Q để sinh sống và làm việc tại Thanh Hóa để anh yên tâm đi nước ngoài. Đến năm 2019 anh bắt đầu đi xuất khẩu lao động tại Nh B, thời gian anh đi lao động tại Nh B từ 2019 đến năm 2022 thì vợ, chồng vẫn thường xuyên nhắn tin, gọi điện và quan tâm nhau. Trong thời gian anh H đi lao động tại Nh B thì anh H có gửi tiền về cho vợ đầy đủ được thời gian từ năm 2020 đến năm 2021. Đến khoảng tháng 07/2022 thì anh có về Việt Nam thời gian một tháng thì anh H có vào Th H ở với vợ, con được khoảng một tuần thì tình cảm vợ, chồng vẫn bình thường, nhưng do kinh tế khó khăn nên anh H cũng không đưa được cho chị Q ít tiền nào vì thời gian trước số tiền anh H gửi về đã đủ để cho 03 mẹ con chị Q sinh sống. Đến 08/2022 anh H trở lại Nh B làm việc, tình cảm vợ, chồng bình thường nhưng đến tháng 03/2023 thì chị Q có nhắn tin qua mạng xã hội sẽ làm thủ tục ly hôn anh. Sau khi nhận được tin nhắn về việc ly hôn của chị Q thì tháng 04/2023 anh H đã về nước để hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Tuy nhiên từ thời điểm đó cho đến nay thì hai vợ, chồng anh H chưa gặp nhau, chị Q vẫn ở trong Th H, còn anh H vẫn ở xã C Đ, chỉ thi thoảng hai vợ, chồng trao đổi với nhau để nói chuyện về việc ly hôn.

Nay quan điểm của anh H do khoảng cách hai vợ, chồng mỗi người một nơi nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau, vì vậy tình cảm vợ, chồng ngày càng nhạt phai. Hai vợ, chồng anh đã chính thức cắt đứt mọi liên lạc và chấm dứt tình cảm vợ chồng từ tháng 04/2023 cho đến nay. Nguyện vọng của anh H vẫn muốn hai vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi con khôn lớn. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn, Tòa án nhân dân huyện BV tiến hành hòa giải mà chị Q không đồng ý vợ, chồng về đoàn tụ thì anh Hiêu đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Có 02 con chung. Cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/04/2013 và cháu Dư Bảo N, sinh ngày 16/08/2017. Hiện nay hai cháu đang ăn ở cùng chị Q tại quê ngoại là Th H từ năm 2018 đến nay. Nay quan điểm của anh H nếu vợ, chồng

phải ly hôn anh H yêu cầu được nuôi cả hai con, trường hợp con gái Dư Thảo L đã đủ 7 tuổi có nguyện vọng ở với ai thì Tòa án giao cho người đó nuôi dưỡng, còn anh H vẫn yêu cầu được nuôi cháu Nam. Anh H không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh H đang làm lao động tự do tại Hà Nội, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, anh H thuê nhà tại Hà Nội để đi làm, thời gian đi làm không cố định. Với mức thu nhập như vậy anh H vẫn đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản riêng: Không có.

* Về tài sản chung, công sức chung: Không có.

* Công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2023 của cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/4/2013, cháu Ly có nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị Q) để mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Q và anh H giữ nguyên quan điểm về hôn nhân và con chung.

Đại diện VKSND huyện BV phải biểu quan điểm:

*Về tố tụng: Về việc thực hiện Tố tụng của Tòa án nhân dân Huyện BV và các đương sự: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký và Hội Đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Q đối với anh Dư Trọng H, cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Dư Trọng H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung của chị Q và anh H là: Cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/04/2013 và cháu Dư Bảo N, sinh ngày 16/08/2017 cho chị Lê Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác để đảm bảo quyền lợi về tinh thần cho hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi chị Q có yêu cầu. Tài sản riêng, chung, công sức, công nợ chung: Không có. Về án phí : Buộc chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1].Về tố tụng: Chị Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Dư Trọng H có hộ khẩu trường trú: Thôn Kiều Mộc, xã Cổ Đô, Huyện BV, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35, điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện BV, thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Q và anh Dư Trọng H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Đô, huyện BV ngày 04/5/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay, cùng đi thuê nhà tại Hà Nội để sinh sống và làm việc. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đến năm 2018 thì chị Q về quê ở Th H, anh H ở Hà Nội đến năm 2019 thì anh H đi xuất khẩu lao động tại Nh B nên hai vợ chồng mỗi người sống một nơi, không có thời gian quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và bất đồng quan điểm sống. Thời gian anh H đi xuất khẩu lao động tại nước Nh B từ năm 2019 đến năm 2022 anh H có về V N một tháng nhưng chị Q và anh H cũng chỉ ở với nhau thời gian ngắn là một tuần, đặc biệt từ tháng 04/2023 anh H đã về hẳn V N nhưng anh H cũng không vào thăm chị Q và các con. Chị Q và anh H đã chính thức sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng từ tháng 04/2023 cho đến nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn anh H. Anh H mong muốn vợ, chồng về đoàn tụ nhưng anh H không tìm ra biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, thời gian anh H về Việt Nam từ tháng 04/2023 đến nay anh H cũng không thăm gặp vợ và các con. Mặt khác quá trình làm việc tại Tòa án anh H cũng tỏ ra không thiết tha vợ, chồng về đoàn tụ, anh H có quan điểm nếu chị Q quyết tâm ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn. Do vậy hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Q và anh H trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận đơn ly hôn của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh H để giải phóng cho cả hai bên.

2.2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lê Thị Q và anh Dư Trọng H có 02 con chung, cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/04/2013 và cháu Dư Bảo N, sinh ngày 16/08/2017. Từ năm 2018 cho đến nay thì cháu Ly và cháu Nam ở cùng với chị Q do chị Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hai cháu đều đang học ổn định từ năm 2018 tại các trường học ở Thanh Hoá. Thời gian anh H đi Nh B từ năm 2019 đến năm 2023 thì anh H chỉ gửi tiền về được khoảng 02 năm để chị Q trả nợ và

nuôi con, từ tháng 10 năm 2021 đến nay anh H đã không còn gửi tiền để chị Q nuôi con. Mặt khác từ tháng 3/2023 anh H về ở hẳn V N nhưng anh H cũng không vào thăm gặp hoặc gọi điện hỏi han các con. Hiện nay chị Q đang làm kế toán tại công ty Cổ phần đầu tư T Ph tại Th H, thu nhập theo hợp đồng lao động là 12.000.000đ, ngoài ra tôi còn làm thêm, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/ tháng, anh H đang làm lao động tự do tại Hà Nội, công việc không ổn định thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng lại phải chi phí thuê nhà tại Hà Nội để đi làm. Do vậy để đảm bảo cho L và cháu N có điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được nuôi cả hai con chung của chị Q là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu được cả nuôi hai con của chị Lê Thị Q. Giao cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/04/2013 và cháu Dư Bảo N, sinh ngày 16/08/2017 đến khi các cháu tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi chị Q có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3.Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chị Q và anh H đều thừa nhận không có.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ: Khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, Khoản 4, Điều 147, Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Q đối với anh Dư Trọng H.

2. Cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Dư Trọng H.

3. Con chung: Có 02 con chung. Giao cho chị Lê Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dư Thảo L, sinh ngày 14/04/2013 và cháu Dư Bảo N, sinh ngày

16/08/2017 đến khi cháu L và cháu N tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi chị Q có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Không có.

5. Án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Q đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số: 0061119 ngày 18 tháng 07 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BV. Nay khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q phải nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Q và anh Dư Trọng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dânsự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tựnguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hànhán theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành ánđược thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

*- TANDTPHà Nội*

*- VKS huyện BV*

*- THA BV*

*- Các đương sự.*
*- Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thưởng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- *TANDTPHà Nội*
- *VKS huyện BV*
- *THA BV*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thưởng**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- *TANDTPHà Nội*

*- VKS huyện BV*

*- THA BV*

*- Các đương sự.*
*- Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thưởng**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**